

Số: 669 /QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo bậc đại học,
và chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Giáo dục mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng các khoa chuyên môn và Thường trực Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, gồm:

STT	Mã ngành	Tên ngành
Chương trình đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên		
1	7140209	Sư phạm Toán học
2	7140217	Sư phạm Ngữ văn
3	7140231	Sư phạm tiếng Anh
4	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên
5	7140201	Giáo dục Mầm non (ĐH)
6	7140202	Giáo dục Tiểu học
7	7140218	Sư phạm Lịch sử
8	7140206	Giáo dục thể chất
9	7140219	Sư phạm Địa lí
10	7140210	Sư phạm Tin học
11	7140205	Sư phạm Giáo dục Chính trị
12	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)

Hải Dương, ngày 02 tháng 8 năm 2024

Số 119/QĐ-GHĐH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non

BIÊN TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non; Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 01/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 18/07/2016 Quốc hội phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo cho các trường đại học cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BGDĐT ngày 18/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 22/02/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chủ trương nghiên cứu lập kế hoạch và tổ chức triển khai Trường Đại học Hải Dương; Theo đề nghị của Trường các khoa chuyên môn và Trường trung tâm đào tạo giáo dục và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, gồm:

STT	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	7140309	Sư phạm Tiểu học
2	7140217	Sư phạm Nghệ thuật
3	7140331	Sư phạm Công nghệ
4	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên
5	7140201	Giáo dục Mầm non (GD)
6	7140202	Giáo dục Tiểu học
7	7140318	Sư phạm Lịch sử
8	7140208	Giáo dục Thể chất
9	7140349	Sư phạm Địa lý
10	7140210	Sư phạm Tin học
11	7140207	Sư phạm Giáo dục Chính trị
12	7140204	Giáo dục Mầm non (GD)

STT	Mã ngành	Tên ngành
Chương trình đào tạo nhóm ngành Kinh tế - Kỹ thuật - KHXH&NV		
13	7340301	Kế toán
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng
15	7340101	Quản trị kinh doanh
16	7340406	Quản trị văn phòng
17	7310101	Kinh tế
18	7340115	Marketing
19	7520201	Kỹ thuật điện
20	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
21	7480201	Công nghệ thông tin
22	7220201	Ngôn ngữ Anh
23	7760103	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

(có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Trưởng các khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, P.ĐT-HTQT (02).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Văn Quyên





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ-ĐHHD ngày 05/8/2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt): Giáo dục Tiểu học

Tên chương trình (Tiếng Anh): Primary Education

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Mã ngành đào tạo: 7140202

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học đào tạo các cử nhân đáp ứng được yêu cầu đổi mới của Giáo dục Tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước: Có đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức về khoa học Giáo dục Tiểu học; có kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện hiệu quả chương trình Giáo dục Tiểu học; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn Giáo dục Tiểu học, đáp ứng được sự phát triển của ngành Giáo dục Tiểu học; chủ động trong giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- PO1: Vận dụng hiệu quả kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học giáo dục, khoa học chính trị, pháp luật vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

- PO2: Có kiến thức cơ sở ngành vững vàng, kiến thức chuyên ngành sâu rộng để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

1.2.2. Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng của ngành Giáo dục Tiểu học:

- PO3: Có năng lực thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục ở bậc tiểu học.

- PO4: Có năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

- PO5: Giao tiếp sư phạm tốt; có tư duy phản biện, sáng tạo; có năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và hợp tác nhóm...

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO1	X								x	x
PO2		X	x	x	X	x			x	x
PO3		x	x	x	X	x			x	x
PO4							x	x	x	x
PO5						x			x	x
PO6						x			x	x

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá: 127 tín chỉ (không tính GDTC và GDQPAN)

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ

- Giáo dục Thể chất: 4 tín

- Giáo dục Quốc phòng - An ninh: 165 tiết

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 103 tín chỉ

+ Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ

+ Kiến thức chuyên ngành: 54 tín chỉ

+ Bắt buộc: 73 tín chỉ

+ Tự chọn: 11 tín chỉ

+ Nghiệp vụ sư phạm, thực tập: 12 tín chỉ

+ Khoá luận tốt nghiệp/Học phần thay thế: 7 tín chỉ

5. CHIẾN LƯỢC DẠY HỌC

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học. Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa (Differentiated Instruction):** Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực (Active Learning):** Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội...

(3) **Học tập theo câu hỏi (Inquiry-Based Learning):** Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học từ mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp (Blended Learning):** Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp: Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược (flipped classroom):** Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy.

(6) **Học tập hợp tác:** Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp xã hội.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.
b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học, 01 tuần đệm và 2 tuần thi.

Học kì phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

2. Phương thức tổ chức đào tạo

- a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.
- b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.
- c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. CÁCH ĐÁNH GIÁ

7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường

Đánh giá kết quả học tập

Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A ⁺	9.5 – 10.0	4.0
A	8.5 – 9.4	4.0
B ⁺	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C ⁺	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0

D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Điểm đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng.

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (là các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần). Số bài kiểm tra thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của mỗi học phần.

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá thường xuyên)
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
Từ 6 tín chỉ trở lên	3 bài

Trung bình điểm kiểm tra thường xuyên chiếm 40%

Điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%

Các điểm kiểm tra đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần	
$\text{Điểm HP} = (\text{Trung bình điểm KTTX} \times 4 + \text{Điểm thi kết thúc HP} \times 6) / 10$	

8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành		
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP – AN)			23	233	112	805	
<i>Lí luận chính trị</i>							

1	POL001	Triết học Mác – Lênin	3	36	9	105	
2	POL002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	70	
3	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	
4	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	
5	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	
Giáo dục Thể chất – Giáo dục Quốc phòng và An ninh			15				
6	PE006	Giáo dục Thể chất 1	2	6	24	70	
7	PE007	Giáo dục Thể chất 2	2	6	24	70	
8.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
8.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
8.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		
8.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
Ngoại ngữ			6				
9	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
10	EN013	Tiếng Anh 2	3	30	15	105	
Khoa học Tự nhiên			2				
11	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
Khoa học Xã hội			4				
12	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
12	MAN016	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	2	21	9	70	
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			104	829	1011	3260	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			32	266	214	1020	
Các học phần bắt buộc			28	240	180	980	
13	PRIM117	Tâm lý học tiểu học	2	20	10	70	
14	PRIM118	Giáo dục học tiểu học	3	30	15	105	
15	PRIM119	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học	2	15	15	70	
16	PRIM120	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Tiểu học	2	15	15	70	
17	COMM121	Tiếng Việt thực hành	3	15	30	105	
18	PSYC122	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	15	15	70	
19	PRIM123	Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	3	30	15	105	
20	PRIM124	Cơ sở Văn học của dạy học môn	3	30	15	105	

		Tiếng Việt ở tiểu học					
21	PRIM125	Thực hành giải Toán ở tiểu học 1	4	30	30	140	
22	PRIM126	Giáo dục môi trường	2	20	10	70	
23	SS150	Giáo dục hòa nhập	2	20	10	70	
Các học phần tự chọn			4				
Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)			2				
24	PRIM327.a	Giáo dục Stem ở tiểu học	2	20	10	70	
	PRIM327.b	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	20	10	70	
Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)			2				
25	PRIM328.a	Nhảy hiện đại	2	6	24	70	
	PRIM328.b	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	2	6	24	70	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			53	463	332	1855	
Các học phần bắt buộc			46	403	287	1610	
26	PRIM229	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	20	10	70	
27	PRIM230	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2	3	30	15	105	
28	PRIM231	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	20	10	70	
29	PRIM232	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	25	20	105	
30	PRIM233	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	30	15	105	
31	PRIM234	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3	2	20	10	70	
32	PRIM235	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	25	20	105	
33	PRIM236	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4	35	25	140	
34	PRIM237	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	3	25	20	105	
35	PRIM238	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	4	35	25	140	
36	PRIM239	Thực hành giải Toán ở tiểu học 2	2	15	15	70	
37	PRIM240	Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1	2	20	10	70	
38	PRIM241	Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	2	20	10	70	
39	PRIM242	Phương pháp dạy học Tin học & Công nghệ ở tiểu học	2	15	15	70	

40	PRIM243	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	20	25	105	
41	PRIM244	Giáo dục Thể chất ở tiểu học	2	18	12	70	
42	PRIM245	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	2	15	15	70	
43	PRIM246	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học	2	15	15	70	
Các học phần tự chọn			7				
Tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 học phần)			6				
44 - 45	PRIM347.a	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	25	20	105	
	PRIM347.b	Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	25	20	105	
	PRIM348.a	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học	3	25	20	105	
	PRIM348.b	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	25	20	105	
Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 3 học phần)			1				
46	PRIM349.a	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	1	10	5	35	
	PRIM349.b	Giáo dục địa phương ở tiểu học	1	10	5	35	
	PRIM349.c	Trang trí và thiết kế đồ dùng ở tiểu học	1	10	5	35	
2.3. Thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			12	40	420	140	
47	COMM251	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	20	10	70	
48	COMM252	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	20	10	70	
49	COMM253	Thực tập sư phạm 1	2		100		
50	COMM254	Thực tập sư phạm 2	6		300		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			7	60	45	245	
Khóa luận tốt nghiệp			7				
Các học phần thay thế			7				
50 - 51	PRIM455	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kỹ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	3	20	25	105	
	PRIM456	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt	4	40	20	140	

	ở tiểu học				
Tổng: 56 học phần	Cộng	127			

8.2. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 17 tín chỉ, học kì 2 là 19 tín chỉ, học kì 3 với 19 tín chỉ, học kì 4 là 19 tín chỉ, học kì 5 với 16 tín chỉ, học kì 6 là 14 tín chỉ, học kì 7 với 10 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Học phần tiên quyết (nếu có)
				Số tiết trên lớp		Tự học tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, Bài tập, Thảo luận		
Kỳ I. 17 Tín chỉ (Không tính GDTC1)			17	157	98	595	
1	POL001	Triết học Mác - Lênin	3	36	9	105	
2	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
3	PRIM117	Tâm lí học tiểu học	2	20	10	70	POL001
4	COMM121	Tiếng Việt thực hành	3	15	30	105	
5	PRIM229	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	20	10	70	
6	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
7	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
8	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
Kỳ II. 19 Tín chỉ (chưa tính GDTC2)			19	185	100	665	
1	PRIM118	Giáo dục học tiểu học	3	30	15	105	PRIM117
2	POL002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	70	POL001

3	PRIM123	Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3	30	15	105	
4	PRIM124	Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	30	15	105	
5	PRIM126	Giáo dục môi trường	2	20	10	70	
6		Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2	3	30	15	105	PRIM229
7	PRIM232	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	25	20	105	
8	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	PE006
Kỳ III. 19 Tín chỉ			19	165	120	665	
1	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	POL001
2	EN013	Tiếng Anh 2	3	30	15	105	EN012
3	PRIM231	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	20	10	70	PRIM230
4	PRIM233	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	25	20	105	PRIM232
5	PRIM240	Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1	2	20	10	70	PRIM123
6	PRIM243	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học	3	20	25	105	
7	PRIM246	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học	2	15	15	70	PRIM117
8	SS150	Giáo dục hòa nhập	2	15	15	70	PRIM117
Kỳ IV. 19 Tín chỉ			19	152	133	665	
1	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	POL001
2	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	POL001
3	PRIM120	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	2	15	15	70	PRIM117

4	PRIM234	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3	2	20	10	70	PRIM233
5	PRIM237	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	3	25	20	105	PRIM231
6	PRIM242	Phương pháp dạy học Tin học & Công nghệ ở tiểu học	2	15	15	70	IT014
7	MAN016	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục – Đào tạo	2	21	9	70	PSY015
8	COMM250	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	10	20	70	
9		Tự chọn 1 (SV chọn 1 trong 2 HP)	2	6	24	70	
9.1	PRIM328.a	Nhảy hiện đại	2	6	24	70	PRIM243
9.2	PRIM328.b	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	2	6	24	70	PRIM243
Kỳ V. 16 Tín chỉ			16	120	190	490	
1	PRIM119	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2	15	15	70	PRIM117
2	PSYC122	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	15	15	70	PRIM117
3	PRIM235	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	25	20	105	PRIM234
4	PRIM238	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	4	35	25	140	PRIM237
5	PRIM241	Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	2	20	10	70	PRIM240
6	COMM252	Thực tập sư phạm 1	2	0	100	0	
7		Tự chọn 2 (SV chọn 1 trong 3 HP)	1	10	5	35	
7.1	PRIM349.a	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên – Xã hội	1	10	5	35	PRIM241

7.2	PRIM349.b	Giáo dục địa phương ở tiểu học	1	10	5	35	PRIM117
7.3	PRIM349.c	Trang trí và thiết kế đồ dùng ở tiểu học	1	10	5	35	
Kỳ VI. 14 Tín chỉ (chưa tính HP GDQP-AN)			14	113	97	490	
1	PRIM125	Thực hành giải Toán ở tiểu học 1	4	30	30	140	PRIM238
2	PRIM236	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4	35	25	140	PRIM235
3	PRIM245	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	2	20	10	70	PRIM117
4	PRIM244	Giáo dục thể chất ở tiểu học	2	18	12	70	PE007
5	COMM251	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	10	20	70	COMM252
6	ME08 - ME011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	165T				
Kỳ VII. 10 Tín chỉ			10	85	65	350	
1	PRIM239	Thực hành giải Toán ở tiểu học 2	2	15	15	70	PRIM125
2		Tự chọn 3 (SV chọn 2 trong 4 HP)	6	50	40	210	
2.1	PRIM347.a	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	25	20	105	PRIM236
2.2	PRIM347.b	Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	25	20	105	PRIM236
2.3	PRIM348.a	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học	3	25	20	105	PRIM239
2.4	PRIM348.b	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	25	20	105	PRIM239
3		Tự chọn 4 (SV chọn 1 trong 2 HP)	2	20	10	70	

3.1	PRIM327.a	Giáo dục Stem ở tiểu học	2	20	10	70	PRIM117
3.2	PRIM327.b	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	20	10	70	PRIM117
Kỳ VIII. 13 Tín chỉ			13	60	345	245	
1	COMM253	Thực tập sư phạm 2	6	0	300	0	COMM252
2	Khóa luận TN hoặc các HP thay thế		7	60	45	245	
2.1	PRIM454	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kỹ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	3	20	25	105	
2.2	PRIM455	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	4	40	20	140	
Tổng số tín chỉ của CTĐT			127	1037	1148	4165	

8.3. Mô tả học phần

Triết học Mác - Lênin: 3 tín chỉ

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

Pháp luật đại cương: 2 tín chỉ

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật; đồng thời giới thiệu về các lĩnh vực pháp luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đại cương về pháp luật quốc tế, vấn đề đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.

Tâm lý học tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của Tâm lý học, bao gồm: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa

các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lý con người trong quá trình phát triển cá thể từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở giai đoạn lứa tuổi học sinh Tiểu học nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở giai đoạn lứa tuổi này cũng như ứng dụng những tri thức đó để tổ chức quá trình giáo dục, dạy học phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

Tiếng Việt thực hành: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức/nguyên tắc cơ bản khi sử dụng tiếng Việt về chính tả, từ ngữ, câu, đoạn văn và văn bản; hệ thống hoá và diễn giải được những nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt; các kiến thức cơ bản về kỹ thuật đọc thành tiếng, chữ viết và kỹ thuật viết chữ theo mẫu chữ tiểu học; những điều kiện và yêu cầu đảm bảo nghe - nói hiệu quả; rèn luyện cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để học tập và giảng dạy môn Tiếng Việt.

Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về toán học cơ bản làm nền tảng cho lý luận và phương pháp dạy học Toán học ở tiểu học. Các kiến thức về tập hợp, suy luận, thống kê và xác suất và đồng thời giải thích được cơ sở của một số vấn đề trong việc xây dựng chương trình, nội dung và cách trình bày trong sách giáo khoa môn Toán ở tiểu học.

Tiếng Anh 1: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, cung cấp cho sinh viên vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

Giáo dục thể chất 1: 2 tín chỉ

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở

rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

Tin học đại cương: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về máy tính, ứng dụng cơ bản về các kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm ứng dụng trong công việc: xử lý văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu, kiến thức cơ bản về mạng máy tính, internet, tìm kiếm thông tin, đạo đức và văn hóa trong cuộc sống trực tuyến.

Giáo dục học tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người, chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở đó, người học hiểu được bản chất của quá trình dạy học ở tiểu học, nguyên tắc dạy học, phương pháp, phương tiện dạy học tiểu học.

Học phần còn cung cấp cho người học hiểu biết khái niệm, chức năng, logic của quá trình giáo dục tiểu học, các nguyên tắc giáo dục tiểu học, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục tiểu học, bản chất của quá trình giáo dục trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Vận dụng được những hiểu biết về giáo dục tiểu học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục vào việc giáo dục học sinh tiểu học.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 tín chỉ

Học phần này nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về Chủ nghĩa tư bản Độc quyền của Chủ nghĩa Mác-Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản thuộc các lĩnh vực địa lí, vật lí, hoá học, sinh học, lịch sử làm cơ sở cho việc dạy học các học phần về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; rèn khả năng giải

thích những hiện tượng tự nhiên và xã hội thường gặp trong cuộc sống và vận dụng vào dạy học các học phần về tự nhiên và xã hội ở tiểu học.

Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên các vấn đề lí luận văn học như hình tượng và nhân vật văn học, đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, cốt truyện của tác phẩm văn học; đặc trưng cơ bản của thơ, truyện; khái quát về văn học thiếu nhi, các thể loại văn học dân gian có liên quan tới nhận thức của thiếu nhi, các tác giả văn học viết thiếu nhi tiêu biểu, và một số nội dung chủ yếu của văn học thiếu nhi nước ngoài.

Giáo dục môi trường: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về lý thuyết số, cấu trúc nửa nhóm, nhóm, vành, trường; giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về lí luận và phương pháp luận trong việc dạy học môn số vấn đề về môn Toán ở tiểu học như: cơ sở lí luận của việc dạy số tự nhiên, phân số và số thập phân ở tiểu học.

Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ: nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; về ngữ âm tiếng Việt và hiểu được mối liên hệ giữa kiến thức đó với việc dạy Tiếng Việt ở tiểu học; rèn cho sinh viên năng lực nhận diện, phân tích, chứng minh được các vấn đề về ngôn ngữ nói chung và ngữ âm nói riêng trong những tình huống cụ thể, vận dụng được các kiến thức ngữ âm vào thực tiễn giảng dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

Giáo dục thể chất 2: 2 tín chỉ

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, kĩ thuật, phương pháp tập luyện và hướng dẫn tổ chức môn khiêu vũ thể thao trong chương trình giáo dục thể chất, thể dục thể thao phong trào. Nội dung học phần bao gồm: lí thuyết Aerobic, kĩ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên

phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Học phần này nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ.

Tiếng Anh 2: 3 tín chỉ

Học phần **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35 - 45 từ.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề về biểu thức đại số, đa thức, phân thức; các cách so sánh biểu thức đại số, xét dấu của biểu thức đại số; các dạng phương trình một ẩn số, hệ phương trình, đẳng thức, bất đẳng thức; khái niệm cơ bản của các hình hình học và một số các phép chứng minh trong hình học phẳng, các phép biến hình; Giúp sinh viên có kiến thức cơ sở về lí luận và phương pháp trong việc thực hiện giảng dạy một số nội dung toán ở tiểu học như yếu tố hình học, yếu tố đại số, yếu tố đại lượng.

Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ và hệ thống từ vựng tiếng Việt, từ loại, cú pháp tiếng Việt và ngữ pháp văn bản; rèn cho sinh viên kỹ năng nhận diện và phân tích cấu tạo từ và nghĩa của từ, sử dụng từ và hệ thống từ vựng, xác định từ loại, phân tích và nhận diện câu, phân tích

ạn văn, văn bản, viết câu, dựng đoạn, viết bài văn. Sinh viên có năng lực phân tích được mối liên hệ giữa những vấn đề đã học với thực tiễn dạy học các nội dung tương ứng trong môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Giáo dục nghệ thuật ở tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức âm nhạc cơ bản; về phương pháp dạy học môn âm nhạc ở tiểu học; những kiến thức cơ bản về mỹ thuật cơ bản, phương pháp vẽ theo mẫu, kiến thức về màu sắc và cách vẽ màu, về trang trí cơ bản, vẽ tranh đề tài và nặn tạo dáng tự do và thường thức mỹ thuật ở tiểu học.

Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1: 2 tín chỉ

Học phần nhằm hệ thống hóa các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tiểu học thông qua các kỹ năng sư phạm cơ bản như giao tiếp ứng xử; xử lý tình huống sư phạm; thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như tìm hiểu về trường tiểu học (giáo viên, học sinh, nhà trường...).

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, quy trình thực hiện và đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.

Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học tiếng Việt, rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học tiếng Việt trong học tập và nghiên cứu về tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên một số kiến thức đại cương về dạy học Toán ở tiểu học về hệ thống các phương pháp thường dùng trong dạy học Toán; các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học Toán; nguyên tắc sử dụng, cách sử dụng thiết bị thông thường; lập kế hoạch và tổ chức dạy học ở tiểu học.

Phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học 1: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, mục tiêu, cấu trúc chương trình, các phương pháp, hình thức tổ chức, các phương tiện dạy học cũng như cách thức kiểm tra đánh giá các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức đã học vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học các môn học về tự nhiên xã hội ở tiểu học.

Phương pháp dạy học Tin học & Công nghệ ở tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học kỹ thuật công nghệ trong hoạt động giáo dục. Áp dụng được những kiến thức đó để thực hành kỹ năng nghề nghiệp; thực hiện được các kỹ năng cơ bản để tổ chức hoạt động dạy học môn công nghệ trường Tiểu học có hiệu quả: Kỹ năng chuẩn bị bài giảng; kỹ năng thực hiện hoạt động dạy học và đánh giá kết quả.

Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đội TNTPHCM và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học.

Nhảy hiện đại: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn. Học phần Khiêu vũ thể thao cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha, Bachata và Rumba... sôi động, vui nhộn, phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Ngoài ra thông qua quá trình tập luyện, học phần còn rèn luyện cho sinh viên ý thức tổ chức kỉ luật, tính tự giác tích cực, qua đó phát triển các tố chất vận động như: sức nhanh, sức mạnh và khả năng phối hợp động tác, tính linh hoạt hỗ trợ cho công việc học tập, giúp người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của sinh viên.

Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử, vị trí và tác dụng của đàn Organ; cấu trúc cơ bản của đàn Organ; nhận biết vị trí các âm thanh và phạm vi từng tay trên hàng phím; chức năng và cách sử dụng đàn Organ; công tác bảo quản; những tư thế khi đánh đàn Organ; nội dung trọng tâm là thực hành kỹ năng luyện ngón, chơi một số bài dân ca Việt Nam, ca khúc thiếu nhi trong và ngoài nước.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học Tiểu học, Giáo dục học Tiểu học.

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc có quan hệ mật thiết với các học phần về phương pháp dạy học các học phần ở tiểu học thuộc kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm, ưu thế, tầm quan trọng và các nguyên tắc tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học. Trình bày được nội dung, quy trình tổ chức các chủ điểm, chủ đề giáo dục, các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và hoạt động trải nghiệm theo chương trình ở trường Tiểu học. Thiết kế được một số mô hình tổ chức các chủ điểm, chủ đề giáo dục, tiết chào cờ, sinh hoạt lớp và kế hoạch dạy học các bài học theo chương trình hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học.

Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc. Trên cơ sở cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp trong giao tiếp sư phạm, sinh viên biết vận dụng các kiến thức về giao tiếp sư phạm để thực hành giao tiếp với học sinh, với đồng nghiệp, phụ huynh và xã hội. Hình thành năng lực sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ giao tiếp với đồng nghiệp, người học, các trường học, các tổ chức xã hội và cá nhân trong và ngoài nhà trường. Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới. Học phần còn góp phần hình thành ở người học những phẩm chất nhân cách của người giáo viên.

Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học trong học tập và nghiên cứu lĩnh vực lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2: 4 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên các kiến thức về phân tích chương trình, rèn kỹ năng về dạy học môn toán thông qua việc vận dụng giảng dạy các nội dung cụ thể của chương trình môn Toán ở tiểu học. Thông qua đó giúp sinh viên soạn thành thạo kế hoạch bài học; Xử lý tốt các tình huống trong dạy học toán; Xử lý được tài liệu dạy học; Sử dụng thành thạo phương tiện để dạy học hiệu quả; Phát triển được chương trình nhà trường và chương trình lớp học.

Giáo dục thể chất ở tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học của nhà trường. Học phần bao gồm các nội dung: Khái quát chung về học phần GDTC trong trường tiểu học, các kĩ thuật cơ bản của thể dục ĐHDN, bài thể dục phát triển chung, các tư thế và vận động cơ bản, phương pháp tập luyện nhảy dây và tổ chức trò chơi vận động, phương pháp lên lớp giờ học GDTC, kiểm tra đánh giá kết quả học phần qua đó mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công việc sau này của sinh viên. Ngoài ra học phần còn góp phần giáo dục, rèn

luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các học phần khác.

Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, rèn luyện cho sinh viên năng lực nghiên cứu chương trình và sách giáo khoa các môn học về Tự nhiên và Xã hội, rèn luyện năng lực dạy học các chủ đề, vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức và các phương tiện dạy học... vào từng bài học.

Dạy học phát triển năng lực các môn học về Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học: 1 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, phát triển cho sinh viên năng lực phân tích chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học; rèn luyện năng lực vận dụng các kiến thức đã học của các môn học vào việc chuẩn bị bài học, tổ chức các hoạt động học tập trong các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

Giáo dục địa phương ở tiểu học: 1 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, truyền thống quê hương; lễ hội, nghệ thuật truyền thống; các di tích lịch sử, danh nhân văn hóa; phong tục, tập quán địa phương của Hải Dương.

Trang trí và thiết kế đồ dùng ở trường tiểu học: 1 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên một số vấn đề chung về mỹ thuật ứng dụng, trang trí ứng dụng trong đời sống con người, trang trí ứng dụng như kẻ chữ, trang trí đầu báo tường, thu phóng tranh ảnh các phương tiện, đồ dùng dạy học ở trường tiểu học. Biết cách trang trí và trang trí được lớp học. Các nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học, sử dụng mô hình biểu bảng, vật mẫu, mô hình. Tầm quan trọng của đồ dùng dạy học ở tiểu học, phương pháp thiết kế đồ dùng dạy học. Thực hành trang trí lớp học, thực hành thiết kế đồ dùng dạy học ở tiểu học.

Thực hành giải toán ở tiểu học 1: 4 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên một số vấn đề về giải toán như thế nào là một bài toán, phân loại, các vấn đề thường gặp phải khi hướng dẫn học sinh giải toán, các phương pháp giải toán, thuật toán và tư duy thuật toán. Thông qua đó giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về dạy học giải toán ở tiểu học như nhận dạng và lựa chọn các phương pháp giải phù hợp cho một bài toán ở tiểu học, bước đầu có kỹ năng thiết kế bài tập, đề kiểm tra toán ở tiểu học.

Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2: 4 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học: mục đích, nội dung các nguyên tắc và phương pháp dạy học, chương trình, SGK dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học; rèn luyện năng

lực vận dụng những kiến thức cơ bản về dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học trong học tập và nghiên cứu: thiết kế bài học, tổ chức có hiệu quả bài học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục - Đào tạo: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí, quản lí hành chính nhà nước, đường lối phát triển giáo dục đào tạo, những qui định của giáo dục Tiểu học trong giai đoạn hiện nay, thực tiễn giáo dục địa phương.

Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Đạo đức học: Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức; mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác; khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Đạo đức học; bản chất một số phạm trù đạo đức cơ bản theo quan điểm của Đạo đức học Mác - Lênin...; Một số vấn đề chung về giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay; Vị trí, nhiệm vụ, nội dung chương trình và tài liệu dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; Phương pháp, phương tiện dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; Tổ chức dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh Tiểu học.

Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các kĩ năng sư phạm chuyên biệt như kĩ năng thiết kế kế hoạch bài học, kĩ năng tổ chức các hoạt động dạy học, kĩ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, kĩ năng kiểm tra, đánh giá ở tiểu học, kĩ năng lập kế hoạch giáo dục của giáo viên, kĩ năng lập hồ sơ đánh giá học sinh tiểu học...

Giáo dục Quốc phòng - An Ninh 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

Giáo dục Quốc phòng - An Ninh 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách

mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Giáo dục Quốc phòng - An Ninh 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

Giáo dục Quốc phòng - An Ninh 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

Thực tập sư phạm 1: 2 tín chỉ

Học phần nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, trang bị cho sinh viên những hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử của Đảng và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (từ 1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hành giải toán ở tiểu học 2: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên một số nhận biết về học sinh có năng khiếu học toán, tầm

qua trọng của dạy học giải toán ở tiểu học theo chuyên đề, những hiểu biết cơ bản về một số dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi trên cơ sở đó giúp sinh viên giải được bài toán, lập được bài toán và hướng dẫn học sinh giải toán. Tạo cơ hội để sinh viên tiếp cận với bài toán bằng tiếng Anh.

Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các biểu hiện của kỹ năng tư duy, các phương pháp dạy học và kỹ thuật đánh giá việc phát triển kỹ năng tư duy trong dạy học môn Toán ở tiểu học, rèn luyện năng lực lựa chọn và thực hiện được các tình huống dạy học môn Toán ở tiểu học để có thể phát triển kỹ năng tư duy và đánh giá mức độ phát triển kỹ năng tư duy của học sinh tiểu học.

Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức về dạy học bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học; hình thành và rèn luyện cho sinh viên năng lực tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học về kiến thức chuyên sâu tiếng Việt; phát triển kỹ năng đọc hiểu, viết, cảm thụ văn học cho học sinh; xây dựng hệ thống bài tập và hướng dẫn giải bài tập về Tiếng Việt nâng cao ở tiểu học.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức về định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo chương trình GDPT 2018, kiến thức về đặc điểm của những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, phát huy năng lực của học sinh, hiểu biết về những quan điểm đổi mới về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chương trình GDPT 2018; rèn cho sinh viên năng lực phân tích và vận dụng các loại hình đánh giá vào đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh: 3 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc câu trong tiếng Anh liên quan đến môn Toán ở tiểu học, rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (tiếng Anh) và phương pháp dạy học toán để dạy học toán ở tiểu học bằng tiếng Anh, trình bày được hệ thống từ vựng, cấu trúc câu trong tiếng Anh liên quan đến môn Toán ở tiểu học, rèn cho sinh viên kỹ năng chuẩn bị kế hoạch bài học, thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học bằng tiếng Anh.

Giáo dục Stem ở Tiểu học: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, cung cấp một số tri thức nhằm tăng cường và phát triển nhận thức của sinh viên về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của

phương thức giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông nói chung, ở tiểu học nói riêng. Sinh viên có thông tin khái quát về một số phương pháp và hình thức triển khai giáo dục STEM ở tiểu học, sẽ có kỹ năng vận dụng lý thuyết để phân tích và thiết kế bài học, hoạt động trải nghiệm trong chương trình tiểu học theo phương thức giáo dục STEM, đồng thời lưu ý tới cách đánh giá phát triển năng lực học sinh thông qua những hoạt động học tập. Hình thức học tập chủ yếu là học bằng làm, học qua trải nghiệm.

Đánh giá trong giáo dục: 2 tín chỉ

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đánh giá, đánh giá kết quả giáo dục tiểu học: nội dung đánh giá kết quả giáo dục tiểu học, phương pháp, kỹ thuật đánh giá kết quả giáo dục tiểu học; hình thức đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học; trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức về đánh giá kết quả giáo dục tiểu học để tổ chức đánh giá trường tiểu học, xây dựng và sử dụng ngân hàng đề thi.

Giáo dục hòa nhập: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật, bao gồm: khái niệm trẻ khuyết tật, nguyên nhân gây ra khuyết tật và đặc điểm một số dạng trẻ khuyết tật; đồng thời giúp sinh viên nhận diện được các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật để từ đó có thể xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục và tổ chức được hoạt động giáo dục hòa nhập cho phù hợp. Song song với cung cấp kiến thức, học phần giúp học sinh phát triển kỹ năng thấu cảm, giao tiếp với học sinh khuyết tật; kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng hợp tác trong giáo dục hòa nhập.

Thực tập sư phạm 2: 6 tín chỉ

Học phần nhằm gắn lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Khóa luận hoặc học phần tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

9.1. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Hải Dương. Trong đó:

9.1.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

a) Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

b) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng kí học tập của sinh viên ở từng học kì. Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng kí học trong mỗi học kì, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lí học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: đầu học kì và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kì chính và tuần thứ 3 của học kì phụ.

9.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

a) Khối lượng học tập trong mỗi học kì

Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kì theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kì theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Đăng kí học đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kì, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khoá biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng kí học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kì, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng kí học các học phần dự định sẽ học trong học kì đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng kí học trong mỗi học kì; đăng kí sớm, đăng kí bình thường và đăng kí muộn. Đăng kí sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kì khoảng 1 tháng. Đăng kí bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng kí muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kì hoặc trong tuần lễ đầu của học kì phụ cho những sinh viên muốn đăng kí học thêm hoặc đăng kí học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kì đầu tiên của khoa học, Nhà trường tổ chức đăng kí học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học, sinh viên có thể đăng kí học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng kí muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng kí các học phần sẽ học cho từng học kì phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng kí học lại.

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng kí học lại học phần đó ở một trong các học kì tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng kí học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trưởng đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng kí học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng kí học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy: Ngoài hai trường hợp đăng kí học lại ở trên, sinh viên được phép đăng kí học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng kí

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng kí đối với năm học có 02 học kì chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kì chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kì phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kì chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kì chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng kí học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

9.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kì, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

+ Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc

+ Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi

+ Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá

+ Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình

+ Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu

+ Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

- + Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc
- + Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi
- + Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá
- + Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình
- + Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu
- + Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất
- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M < N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba: $2M < N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư: $3M < N < 4M$
- Trình độ năm thứ năm: $4M < N < 5M$.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kì rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kì đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật. Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kì kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.